

Bản án số: 87/2024/DS-ST  
Ngày: 22-5-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Chí Lin.
- Bà Trần Thị Đồi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1051/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

*Bị đơn:* Bà Phạm Thị B, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày như sau:*

Ngày 14/3/2019, bà B có nhờ bà vay tiền của Ngân hàng chính sách số tiền 50.000.000đ, bà đứng ra vay giùm cho bà B, bà B hứa sẽ trả lãi và gốc theo như trong hợp đồng. Bà B ký giấy nhận nợ với bà và hứa tháng 12/2019 sẽ trả hết số tiền nợ. Tuy nhiên, từ thời điểm mượn cho đến nay, bà B không trả tiền cho bà để bà trả cho Ngân hàng chính sách. Nay bà yêu cầu bà B phải trả cho bà số tiền nợ là 50.000.000đ.

Bị đơn bà Phạm Thị B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết cũng như không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phạm Thị B, bà B hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt, bà B đã được tổng đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng bà B vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn cho rằng bị đơn mượn số tiền 50.000.000đ, thời gian trả là tháng 12/2019, cho đến nay bị đơn chưa trả nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã mượn 50.000.000đ. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu này của nguyên đơn cũng như bị đơn không cung cấp chứng cứ để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

[3] Căn cứ giấy nhận nợ ngày 14/3/2019, nội dung thể hiện bị nhờ nguyên đơn vay giùm số tiền 50.000.000đ, cam kết từ khi mượn đến tháng 12/2019 sẽ trả. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì bên vay phải có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa trả tiền vay cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 50.000.000đ cho nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là người cao tuổi, tuy nhiên không có ý kiến phản hồi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không có đơn đề nghị miễn án phí nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, số tiền án phí là 2.756.000đ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Phạm Thị B.

Buộc bà Phạm Thị B có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị B chịu 2.756.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Bà B có trách nhiệm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa để thi hành.

3. Về kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Kim Quyên**